TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HS-PT
Ngày 17-7- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Thẩm phán: Ông Tạ Quốc Việt
Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Xuân Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2018/HS-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo: Trần Văn V, Võ Tuấn A, Nguyễn Quốc S, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2018/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn V, sinh năm 1972 tại Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú: Đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; chỗ ở: Đường M, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Dịch vụ nhà đất; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Lê Thị T; vợ là Nguyễn Thị D, có 02 con: lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2013, bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 5 triệu đồng về hành vi dùng thủ đoạn buộc người khác đưa tiền.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo V: Ông Trần Văn P, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bảo Phúc – Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Võ Tuấn A (T Đầu Ban), sinh năm 1982 tại Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú: 147 đường V, Phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Đường T, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị N.

Tiền án: không.

Tiền sự: Tháng 4-2017, bị Công an thành phố Vũng Tàu xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị bắt tạm giam ngày 08-6-2017 (có mặt).

3. Nguyễn Quốc S (S Búa), sinh năm 1985 tại Bến Tre.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 27 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị L; vợ là Phan Thị Mỹ D, có 04 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 16-12-2008, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị bắt tạm giam từ ngày 08-8-2017, đến ngày 14-11-2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Vũ Thị H cho bà Hoàng Thúy H1 vay số tiền 1.150.000.000 đồng, cho bà Hoàng Thúy H2 vay số tiền 230.000.000 đồng để kinh doanh, nhưng khi bà H đòi tiền thì bà H1 và bà H2 chưa trả. Do vậy, khoảng tháng 5-2017, bà H gọi điện cho Trần Văn V với ý định thuê V đòi các khoản nợ trên. Sau đó, V gặp bà H tại quán cafe trên đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Vũng Tàu xem giấy tờ vay mượn tiền và hẹn 03 ngày sau sẽ trả lời. Ngày 27-5-2017, V gọi điện nói bà H tới nhà V tại đường H, phường 9, thành phố V. Tại đây, V đồng ý đòi nợ cho bà H với điều kiện được chi 50% trên tổng số tiền nợ đòi được, bà H không đồng ý và đi về. Sau đó, V gọi điện thoại cho bà H nói chỉ đòi giúp số nợ của bà H1 và lấy 40% số tiền đòi được, còn số nợ của bà H2 thì để sau nhưng bà H vẫn không đồng ý. V tiếp tục gọi điện thoại và nói với bà H là nếu lấy được 1.150.000.000 đồng, V đưa cho bà H 650.000.000 đồng và cho bà H mượn thêm 50.000.000 đồng, số còn lại V lấy. Bà H trả lời không nhờ V đòi nợ nữa nhưng V nói đã chuẩn bị "lính" hết rồi và yêu cầu bà H mang theo bản chính giấy nợ, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân tới Văn phòng công chứng để làm giấy ủy quyền đòi nợ nhưng bà H không đến. V liên tục gọi điện đe dọa bà H và nhắn tin với nội dung: "Ngày mai tao lên cơ quan của mày. Và tao xuống nhà của mày luôn". Do bị V đe dọa nên bà H rất lo sợ và liên tục nhắn tin cho người quen là bà Nguyễn Bạch V để nói về việc bị V gọi điện đe dọa giết nếu không kí hợp đồng ủy quyền đòi nợ.

Ngày 04-6-2017, do lo sợ vì bị V đe dọa nên bà H đã nhờ bạn trai là anh Phan Đức H3 gọi điện cho V hẹn gặp vào lúc 17 giờ cùng ngày tại quán cafe "Cá Rồng" đường Phan Huy Liệu, phường 7, thành phố Vũng Tàu để nói

chuyện và xin lỗi. V gọi điện thông báo cho Tuấn A, sau đó Tuấn A gọi điện cho S và T tới quán cafe với mục đích để đe dọa, gây sức ép với H3. V đi cùng Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thanh X và Trần Thị T. Tại quán cafe "Cá Rồng", V, Tuấn A, T, S, H vừa nói vừa chửi, đồng thời yêu cầu H3 phải gọi bà H đến xin lỗi, nếu không thì tối ngày hôm đó hoặc sáng hôm sau V cùng đàn em sẽ đến công ty tìm bà H. S còn đi đến đứng sau lưng, lấy tay đè cổ anh H3 làm anh H3 lo sợ, tinh thần hoảng loạn. Sau khi đe dọa xong, V đi về trước, còn Tuấn A, S, T ở lại quán tiếp tục đe dọa, yêu cầu bà H phải đưa số tiền 70.000.000 đồng vì nhóm của V và Tuấn A đã bỏ công sức chuẩn bị người và những điều kiện cần thiết để đi đòi nợ dùm bà H. Do lo sợ nên anh H3 phải miễn cưỡng đồng ý nhưng xin giảm bớt số tiền nên Tuấn A chấp nhận giảm còn 60.000.000 đồng. Ngày hôm sau, anh H3 gửi 20.000.000 đồng vào tài khoản của Trình Thị Kim T tại ngân hàng Vietcombank (do Tuấn A cung cấp), số tiền 40.000.000 đồng còn lại, anh H3 hứa sẽ đưa sau. Sau khi rút tiền, Tuấn A thông báo cho V biết, V đồng ý để Tuấn A chia cho S và T mỗi người 5.000.000 đồng, Tuấn A lấy 5.000.000 đồng, số tiền còn lại cả ba dùng chung hết. Những ngày sau đó Tuấn A liên tục gọi điện yêu cầu anh H3 đưa số tiền còn lại. Anh H3 và bà H phải đi vay số tiền 15.000.000 đồng để đưa tiếp cho Tuấn A vào chiều ngày 08-6-2017, khi Tuấn A đang nhận tiền từ anh H3 thì bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra, V khai nhận có đe dọa bà H và anh H3 để lấy một khoản tiền trả công cho Võ Tuấn A vì V đã nhờ Tuấn A đi đòi nợ cho bà H. Nếu V không đe dọa gây sức ép với bà H và anh H3 thì anh H3 đã không giao tiền cho đồng bọn của V, đồng thời thông qua V thì Tuấn A mới biết và chiếm đoạt được tiền của bị hại. Cả ba bị cáo đều khai sau khi lấy được 20 triệu đồng từ anh H3 và chị H, Tuấn A tự gây sức ép đối với bị hại để cưỡng đoạt thêm số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thanh X, Trần Thị T: Quá trình điều tra, do không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh những người này có liên quan đến việc đòi nợ thuê, chiếm đoạt tiền của bị hại hoặc được chia số tiền chiếm đoạt được nên không có cơ sở xử lý về hình sự.

Đối với đối tượng tên T (tên thật là Nguyễn Tiến T, sinh 1983; hộ khẩu thường trú: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai), hiện đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn V và gia đình 2 bị cáo còn lại đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000 đồng để trả lại cho bị hại cùng với số tiền 15.000.000 đồng đã bị tạm giữ. Sau khi nhận đủ 35.000.000 đồng, bà H không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2018/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A và Nguyễn Quốc S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Trần Văn V 01 năm tù, thời hạn tù tính từ

ngày bắt thi hành án; xử phạt Võ Tuấn A 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08-6-2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Quốc S 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời giam đã tạm giam từ ngày 08-8-2017 đến ngày 14-11-2017.

Ngoài ra bản án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22-3-2018, bị cáo Trần Văn V kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo phạm tội do nhất thời nóng giận, bản thân không được hưởng lợi gì từ số tiền này; bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại và bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo mắc bệnh thoát vị đĩa đệm, là lao động chính trong gia đình.

Ngày 26-3-2018, bị cáo Võ Tuấn A kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình có công với cách mạng, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngày 26-3-2018, bị cáo Nguyễn Quốc S kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi 04 con nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo V được hưởng án treo vì: Bị cáo phạm tội do nhất thời nóng giận; bị cáo không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ số tiền chiếm đoạt được của bị hại; bị cáo đã bỏ ra toàn bộ số tiền 20 triệu đồng bồi thường cho bị hại, được bị hại bãi nại đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân đang mắc bệnh thoát vị đĩa đệm cần điều trị thường xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A và Nguyễn Quốc S về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ để giảm nhẹ hình phạt hoặc cho các bị cáo hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A và Nguyễn Quốc S gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do bực tức về việc bà Vũ Thị H nhờ V đòi nợ thuê nhưng sau đó lại không nhờ nữa nên Trần Văn V liên tục điện thoại, nhắn tin đe dọa bà H với mục đích buộc bà H phải đưa một khoản tiền phạt cho V và các đồng phạm. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04-6-2017, V cùng Võ Tuấn A, Nguyễn Quốc S và đối tượng tên T hẹn gặp anh Phan Đức H3 (là người được bà H nhờ đứng ra gặp V để xin lỗi) tại quán cà phê "Cá Rồng" ở đường Phan Huy Liệu, phường 7, thành phố Vũng Tàu. Tại đây, nhóm của V tiếp tục đe dọa buộc anh H3 phải miễn cưỡng chấp nhận đưa số tiền 60.000.000 đồng cho V, Tuấn A, S và T để bà H không bị đe dọa nữa. Ngày 05-6-2017, anh H3 đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng của bà H cho Tuấn A, Tuấn A báo cho V biết và sau đó chia nhau tiêu xài. Sau đó, Tuấn A tiếp tục yêu cầu anh H3 giao số tiền còn lại, nên vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 08-6-2017, khi anh H3 đang giao số tiền 15.000.000 đồng cho Tuấn A thì bị Công an bắt quả tang. Với diễn biến hành vi phạm tội nêu trên, cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:*

Từ lời khai của chính các bị cáo, lời khai của bị hại và diễn biến sự việc trên cho thấy, Trần Văn V, Võ Tuấn A, Nguyễn Quốc S là những đối tượng chuyên đòi nợ thuê, hành xử có tính chất "xã hội đen". Tuy biết rõ bà H không có nghĩa vụ phải trả tiền cho các bị cáo, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, dùng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp tinh thần để buộc bị hại phải đưa tiền phạt. Số tiền các bị cáo ép buộc bị hại giao là 60.000.000 đồng nên lẽ ra cấp sơ thẩm phải truy tố và xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 mới chính xác. Tuy nhiên, do không có kháng cáo hoặc kháng nghị về việc chuyển khung hình phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xét xử các bị cáo theo khung hình phạt nặng hơn.

Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm. Trong đó, bị cáo V là người khởi xướng và rủ Tuấn A tham gia, V cũng là người trực tiếp gọi điện, nhắn tin đe dọa bà H, cùng các bị cáo khác đe dọa anh H3 nhằm buộc bị hại đưa tiền phạt. Tuy bị cáo không trực tiếp yêu cầu bị hại phải đưa số tiền bao nhiêu nhưng bị cáo là người chỉ đạo Tuấn A và S, T ở lại quán cà phê tiếp tục đe dọa anh H3, buộc bà H giao tiền nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi mà Tuấn A, S, T thực hiện theo yêu cầu của bị cáo cũng như số tiền mà các bị cáo này chiếm đoạt được.

Võ Tuấn A là người được V giao nhiệm vụ đòi nợ thuê nhưng do bà H không thuê nữa nên V gọi Tuấn A đi cùng S, T đến quán cà phê "Cá Rồng" gặp anh H3 để đe dọa buộc giao tiền phạt. Tuấn A là người trực tiếp đe dọa và yêu cầu bị hại giao số tiền 60.000.000 đồng, trực tiếp nhận tiền 02 lần từ anh H3, trong đó lần bị bắt quả tang bị cáo thừa nhận không có ý định chia tiền cho ai khác, nên là người giữ vai trò tích cực nhất trong vụ án này.

Nguyễn Quốc S là người giúp sức tích cực cho Trần Văn V và Võ Tuấn A trong việc đe dọa bị hại để chiếm đoạt tiền, được hưởng một phần tiền chiếm đoạt được nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với các bị cáo còn lại nhưng vai trò hạn chế hơn.

Xét quá trình lượng hình, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò và mức độ phạm tội cũng như đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần chiếu cố cho các bị cáo (bị cáo V là mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo S là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V và người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Tuấn A đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo có ông nội là liệt sĩ, gia đình có nhiều thân nhân có công với cách mạng. Xét đề nghị của các bị cáo và người bào chữa là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với hai bị cáo này. Tuy được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng do như trên đã phân tích, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo này là có phần nhẹ nên cấp phúc thẩm không thể giảm nhẹ thêm. Bị cáo V và bị cáo S xin hưởng án treo nhưng do các bị cáo đều đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính (bị cáo V) hoặc bị kết án (bị cáo S), tuy không bị coi là có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A (T đầu ban), Nguyễn Quốc S (S búa), giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A (T đầu ban), Nguyễn Quốc S (S Búa) phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo **Trần Văn V** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo **Võ Tuấn A (T đầu ban)** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08-6-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc S (S búa)** 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 08-8-2017 đến ngày 14-11-2017.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 47/2018/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn V, Võ Tuấn A và Nguyễn Quốc S phải nộp mỗi người 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17-7-2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Công an Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu: Tòa Hình sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Cao Minh Vỹ